



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

ja

ty

on

ona

ono

my

wy

oni / one

co

kto

gdzie

dłaczego

jak

który

kiedy

następnie

gdyby

naprawdę

ale

ponieważ

nie

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

to

tamto

wszystko

lub

i

tutaj

tam

lewo

pravo
kierunek

teraz

popołudnie

przedpołudnie

noc

rano

wieczór

południe
czas

północ
czas

godzina

minuta

sekunda

dzień

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

tydzień

miesiąc

rok

wczoraj

dzisiaj

jutro

poniedziałek

wtorek

środa

czwartek

piątek

sobota

niedziela

kobieta

mężczyzna

miłość

chłopak

dziewczyna

przyjaciół

pocałunek

seks

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

dziecko
4-10

dziewczynka

chłopiec

mama

tata

matka

ojciec

rodzice

syn

córka

młodsza siostra

młodszy brat

starsza siostra

starszy brat

mąż

żona

każdy

zawsze

faktycznie

jeszcze raz

już

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

mniej

najwięcej

więcej

żaden

bardzo

na zewnątrz

wewnątrz

daleko

blisko

pod

ponad

obok

przód

tył

wszyscy

razem

inny

wiosna

lato

jesień

zima

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

styczeń

luty

marzec

kwiecień

maj

czerwiec

lipiec

sierpień

wrzesień

październik

listopad

grudzień

północ
kierunek

wschód

południe
kierunek

zachód

często

natychmiast

nagle

mimo że

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

zero

jeden

dwa

trzy

cztery

pięć

sześć

siedem

osiem

dziewięć

dziesięć

jedenaście

dwanaście

trzynaście

czternaście

piętnaście

szesnaście

siedemnaście

osiemnaście

dziewiętnaście

dwadzieścia

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

dwadzieścia jeden

dwadzieścia dwa

dwadzieścia sześć

trzydzieści

trzydzieści jeden

trzydzieści trzy

trzydzieści siedem

czterdzieści

czterdzieści jeden

czterdzieści cztery

czterdzieści osiem

pięćdziesiąt

pięćdziesiąt jeden

pięćdziesiąt pięć

pięćdziesiąt dziewięć

sześćdziesiąt

sześćdziesiąt jeden

sześćdziesiąt dwa

sześćdziesiąt sześć

siedemdziesiąt

siedemdziesiąt jeden

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

siedemdziesiąt trzy

siedemdziesiąt siedem

osiemdziesiąt

osiemdziesiąt jeden

osiemdziesiąt cztery

osiemdziesiąt osiem

dziewięćdziesiąt

dziewięćdziesiąt jeden

dziewięćdziesiąt pięć

dziewięćdziesiąt dziewięć

sto

sto jeden

sto pięć

sto dziesięć

sto pięćdziesiąt jeden

dwieście

dwieście dwa

dwieście sześć

dwieście dwadzieścia

dwieście sześćdziesiąt dwa

trzysta

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

trzysta trzy

trzysta siedem

trzysta trzydzieści

trzysta siedemdziesiąt trzy

czterysta

czterysta cztery

czterysta osiem

czterysta czterdzieści

czterysta osiemdziesiąt
cztery

pięćset

pięćset pięć

pięćset dziewięć

pięćset pięćdziesiąt

pięćset dziewięćdziesiąt pięć

sześćset

sześćset jeden

sześćset sześć

sześćset szesnaście

sześćset sześćdziesiąt

siedemset

siedemset dwa

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

siedemset siedem

siedemset dwadzieścia
siedem

siedemset siedemdziesiąt

osiemset

osiemset trzy

osiemset osiem

osiemset trzydzieści osiem

osiemset osiemdziesiąt

dziewięćset

dziewięćset cztery

dziewięćset dziewięć

dziewięćset czterdzieści
dziewięć

dziewięćset dziewięćdziesiąt

tysiąc

tysiąc jeden

tysiąc dwanaście

tysiąc dwieście trzydzieści
cztery

dwa tysiące

dwa tysiące dwa

dwa tysiące dwadzieścia trzy

dwa tysiące trzysta
czterdzieści pięć

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

trzy tysiące

trzy tysiące trzy

cztery tysiące

cztery tysiące czterdzieści
pięć

pięć tysięcy

pięć tysięcy sześćset
siedemdziesiąt osiem

sześć tysięcy

siedem tysięcy

siedem tysięcy osiemset
dziewięćdziesiąt

osiem tysięcy

osiem tysięcy dziewięćset
jeden

dziewięć tysięcy

dziewięć tysięcy
dziewięćdziesiąt

dziesięć tysięcy

dziesięć tysięcy jeden

dwadzieścia tysięcy
dwadzieścia

trzydzieści tysięcy trzysta

czterdzieści cztery tysiące

sto tysięcy

pięćset tysięcy

milion

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sześć milionów

dziesięć milionów

siedemdziesiąt milionów

sto milionów

osiemset milionów

miliard

dziewięć miliardów

dziesięć miliardów

dwadzieścia miliardów

sto miliardów

trzysta miliardów

bilion

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

wiedzieć

myśleć

przychodzić

kłaść

brać

znajdować

słuchać

pracować

mówić

dawać

lubić

pomagać

kochać

telefonować

czekać

stać

siedzieć

zamykać
drzwi

otwierać
drzwi

przegrywać

wygrywać

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

umierać

żyć

włączać coś

wyłączać coś

zabijać

skaleczyć się

dotykać

oglądać

pić

jeść

chodzić

spotykać się

zakładać się

pocałować

podążać

poślubić

odpowiadać

pytać

ciągnąć
drzwi

pchać
drzwi

nacisnąć

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

uderzać

łapać

walczyć

rzucić

biegać

czytać

pisać

naprawiać

liczyć
1, 2, 3

ciąć

sprzedawać

kupować

płacić

uczyć się

marzyć

spać

grać

obchodzić

cieszyć się

sprzątać

strzelać

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

bronić

atakować

kraść

palić
powszechny

ratować

latać

pluć

kopać
stopa

gryźć

oddychać

wąchać

plakać

śpiewać

uśmiechać się

śmiać się

rosnąć

kurczyć się

kłócić się

dzielić się

karmić

ukrywać

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

ostrzegać

pływać

skakać

podnosić

kopać
dół

dostarczać

szukać

ćwiczyć

podróżować

malować

otwierać
zamek

zamykać
zamek

myć

modlić się

gotować
powszechny

wymiotować

krzyczeć

cytować

drukować

liczyć
1 + 1

zarabiać

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

nowy

stary
powszechny

mało

wiele

błędny

poprawny

zły
powszechny

dobry

szczęśliwy

krótki

długi

mały

duży

piękny

młody

stary
osoba

biały

czarny

czerwony

niebieski

zielony

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

żółty

wolny

szybki

zabawny

niesprawiedliwy

sprawiedliwy

trudny

łatwy

bogaty

biedny

silny

słaby

bezpieczny

zmęczony

dumny

najedzony

chory

zdrowy

gniewny

niski
powszechny

wysoki
powszechny

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

słodki

kwaśny

miękki

twardy
powszechny

uroczy

głupi
durny

zwariowany

zajęty

wysoki
osoba

niski
osoba

zmartwiony

zaskoczony

grzeczny

zły
niedobry

sprytny

zimny

gorący

pomarańczowy

szary

brązowy

różowy

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

nudny

ciężki

lekki

samotny

głodny

spragniony

smutny

stromy

płaski

wąski

szeroki

głęboki

płytki

ogromny

brudny

czysty

pełny

pusty

drogi

tani

seksowny

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

leniwy

odważny

hojny

mokry

suchy

głośny

cichy

słoneczny

deszczowy

mglisty

zachmurzony

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

gimnastyka

tenis

bieganie

kolarstwo

golf

piłka nożna

koszykówka

pływanie

nurkowanie

wędrówki piesze

maraton

triathlon

tenis stołowy

podnoszenie ciężarów

boks

badminton

łyżwiarstwo figurowe

snowboarding

narciarstwo

biegi narciarskie

hokej na lodzie

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

siatkówka

piłka ręczna

siatkówka plażowa

rugby

krykiet

baseball

futbol amerykański

piłka wodna

skoki do wody

surfing

żeglarstwo

wioślarstwo

joga

taniec

spadochroniarstwo

szachy

poker

kręgle

balet

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

świnia

krowa

koń

pies

owca

małpa

kot

niedźwiedź

kurczak
zwierzę

kaczka

motyl

pszczoła

ryba
zwierzę

pająk

wąż

tygrys

mysz
zwierzę

królik

lew

osioł

słoń

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

gołąb

pluskwa

komar

mucha

mrówka

wieloryb

rekin

delfin

ślimak

żaba

panda

niedźwiedź polarny

wilk

koala

kangur

żyrafa

lis

hipopotam

nietoperz

kruk

łabędź

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

mewa

sowa

pingwin

papuga

gąsienica

ważka

kałamarnica

ośmiornica

konik morski

foka

meduza

krab

dinozaur

żółw

krokodyl

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Europa

Azja

Ameryka

Afryka

Wielka Brytania

Hiszpania

Szwajcaria

Włochy

Francja

Niemcy

Tajlandia

Singapur

Rosja

Japonia

Izrael

Indie

Chiny

Stany Zjednoczone Ameryki

Meksyk

Kanada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brazylia

Argentyna

Południowa Afryka

Nigeria

Maroko

Libia

Kenia

Algieria

Egipt

Nowa Zelandia

Australia

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

głowa

nos

włos

usta

ucho

oko

ręka

stopa

serce

mózg

szyja

pośladki

ramię
obojczyk

kolano

noga

ramię
powszechny

brzuch

biust

plecy

ząb

język

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

warga

palec

palec u nogi

żołądek

płuco

wątroba

nerw

nerka

jelito

czoło

podbródek

policzek

broda

kciuk

mały palec

palec serdeczny

palec środkowy

palec wskazujący

paznokieć

pięta

kręgosłup

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

mięsień

kość
ciało

szkielet

żebro

kręg

pęcherz

żyła

tętnica

pochwa

sperma

penis

jądro

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

drzwi

kuchnia

łazienka

pokój dzienny

sypialnia

ogród

garaż

ściana

piwnica
dom

toaleta
dom

schody

dach

okno
budynek

nóż

filiżanka

szklanka

talerz

kubek

kosz na śmieci

miska

biurko

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

łóżko

lustro

prysznic

sofa

obraz

zegar

stół

krzesło

sąsiad

winda

balkon

poddasze

komin

drewniana łyżka

pałeczka

sztućce

łyżka

widelec

chochla

garnek

patelnia

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

żarówka

półka na książki

zasłona

materac

poduszka

koc

półka

szuflada

szafa

wiadro

miotła

waga

kosz na pranie

wanna

ręcznik kąpielowy

mydło

papier toaletowy

ręcznik

umywalka

drabina

skrzynka na listy

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

plot



hàng rào

Thức ăn

jajko

ser

mleko

ryba
żywność

mięso

kość
żywność

olej

chleb

cukier

czekolada

cukierek

ciasto

woda

kawa

herbata

piwo

wino

sałatka

zupa

deser

śniadanie

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

obiad

kolacja

pizza

lody

masło

jogurt

tuńczyk

łosoś

szynka

boczek

kielbasa

mięso z indyka

kurczak
mięso

wołowina

wieprzowina

jagnięcina

dynia

grzyb

trufla

czosnek

por

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

imbir

bakłażan

batat

marchew

ogórek

chili

papryka

cebula

ziemniak

kalafior

kapusta

brokuł

sałata

szpinak

bambus
żywność

kukurydza

seler

groch

fasola

gruszka

jabłko

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliwka

figa

daktyl

kokos

migdał

orzech laskowy

orzech ziemny

banan

mango

kiwi

awokado

ananas

arbuz

winogrono

melon miodowy

malina

jagoda

truskawka

wiśnia

śliwka

morela

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

brzoskwinia

cytryna

grejpfrut

pomarańcza

pomidor

mięta

trawa cytrynowa

cynamon

wanilia

sól

pieprz

curry

tytoń

tofu

ocet

makaron

mleko sojowe

mąka

ryż

owies

pszenica

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soja

orzech

miód

dżem

guma do żucia

naleśnik

ciastko

budyń

muffinka

pączek

napój energetyzujący

sok pomarańczowy

sok jabłkowy

koktajl lodowy

coca cola

gorąca czekolada

koktajl

rum

whisky

wódka

menu

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

owoce morza

spaghetti

sushi

popcorn

chipsy

skrzydełka z kurczaka

frytki

musztarda

majonez

keczup

kanapka

hot dog

burger

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

książka

biblioteka

zadanie domowe

egzamin

lekcja

nauka

historia

sztuka

pisak

ołówek

pierwszy

drugi

trzeci

czwarty

badania

stopień naukowy

boisko

słownik

semestr

zeszyt

geometria

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

ngiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

polityka

filozofia

ekonomia

wychowanie fizyczne

biologia

matematyka

geografia

literatura

chemia

fizyka

linijka

gumka

nożyczki

taśma klejąca

klej

długopis kulkowy

spinacz

trzy procent

sto procent

zero procent

metr sześcienny

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

metr kwadratowy

mila

metr

milimetr

centymetr

decymetr

dodawanie

odejmowanie

mnożenie

dzielenie

powierzchnia

objętość

prostokąt

kwadrat

trójkąt

koło

litr

mililitr

tona

kilogram

gram

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnes

mikroskop

lejek

laboratorium

wykład

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

popiół

ogień

diamant

Księżyc

Słońce

gwiazda

planeta

wybrzeże
morze

jezioro

las

pustynia

wzgórze

skała

rzeka

dolina

góra

wyspa

ocean

morze

lód

śnieg

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

burza

deszcz

wiatr

drzewo

trawa

róża

kwiat
powszechny

metal

gleba

ława

węgiel

piasek

glina

rakieta

satelita

galaktyka

asteroida

kontynent

równik

Biegun Południowy

Biegun Północny

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

potok

las deszczowy

jaskinia

wodospad

wybrzeże
rzeka

lodowiec

trzęsienie ziemi

krater

wulkan

atmosfera

powódź

mgła

tęcza

grzmot

błyskawica

burza z piorunami

temperatura

tajfun

huragan

chmura

gałąź

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

liść

korzeń

pień

nasiono

plastik

dwutlenek węgla

atom

żelazo

tlen

złoto

srebro

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

samochód

autobus

pociąg

stacja kolejowa

przystanek autobusowy

samolot

statek

ciężarówka

rower

motocykl

taksówka

sygnalizacja świetlna

parking

droga

bateria

silnik
samochód

poduszka powietrzna

kierownica

pas bezpieczeństwa

opona

bagażnik

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

automat biletowy

kasa biletowa

metro

pociąg szybkobieżny

lokomotywa

tramwaj

autobus szkolny

minibus

lotnisko

linia lotnicza

helikopter

klasa pierwsza

klasa ekonomiczna

klasa biznes

kamizelka ratunkowa

kontener

łódź podwodna

statek wycieczkowy

kontenerowiec

jacht

prom

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

port

łódź ratunkowa

radar

latarnia

chodnik

stacja benzynowa

plac budowy

przejście dla pieszych

korek uliczny

autostrada

czołg

koparka

traktor

przyczepa

skuter

kolejka linowa

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

szpital

szkoła

dom
budynek

rachunek

rynek

supermarket

apartament

uniwersytet

gospodarstwo rolne

kościół

restauracja

bar

siłownia

park

toaleta
powszechny

mapa

ambulans

policja

straż pożarna

kraj

przedmieście

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

wioska

gwarancja

centrum handlowe

apteka

drapacz chmur

zamek

ambasada

synagoga

świątynia

fabryka

meczet

ratusz

poczta

fontanna

klub nocny

ławka

pole golfowe

stadion piłkarski

basen
budynek

kort tenisowy

Informacja turystyczna

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasyno

galeria sztuki

muzeum

park narodowy

pamiątka

akwarium

zjeżdżalnia wodna

kolejka górska

park wodny

ogród zoologiczny

plac zabaw

wyjście ewakuacyjne

alarm przeciwpożarowy

gaśnica

posterunek policji

państwo

region

kapitał

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

wypadek

pacjent

operacja

pigułka

gorączka

kaszel

izba przyjęć

oddział intensywnej terapii

poczekalnia

aspiryna

pigułka nasenna

data ważności

dawkowanie

syrop na kaszel

efekt uboczny

insulina

proszek

kapsułka

witamina

lek przeciwbólowy

antybiotyk

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakteria

wirus

atak serca

biegunka

cukrzyca

udar

astma

nowotwór

grypa

ból zęba

oparzenie słoneczne

ból gardła

ból brzucha

infekcja

alergia

skurcz

ból głowy

strzykawka

kula
szpital

zdjęcie rentgenowskie

ultrasonograf

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

plaster

wózek inwalidzki

gips

puls

zranienie

nagły wypadek

wstrząs mózgu

oparzenie

złamanie

pigułka antykoncepcyjna

test ciążowy

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

lekarz

pielęgniarka

policjant

prezydent

kapitan

detektyw

pilot
praca

profesor

nauczyciel

prawnik

sekretarka

asystent

sędzia
prawo

menedżer

kucharz

taksówkarz

kierowca autobusu

model

artysta

premier

farmaceuta

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

strażak

dentysta

przedsiębiorca

polityk

programista

stewardesa

naukowiec

przedszkolanka

architekt

księgowy

konsultant

prokurator

dyrektor zarządzający

ochroniarz
osoba

gospodarz

kelner

ochroniarz
budynek

żołnierz

rybak

sprzątac

hydraulik

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektryk

rolnik

repcjonista

listonosz

kasjer

fryzjer

autor

dziennikarz

fotograf

ratownik

piosenkarz

muzyk

aktor

reporter

trener

sędzia
sport

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

pieniądze

biuro

stres

ubezpieczenie

personel

departament

wynagrodzenie

adres

list

numer telefonu

adres URL

adres mailowy

strona internetowa

e-mail

podpis

strata

zysk

klient

suma

karta kredytowa

hasło

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

bankomat

podatek

pokój spotkań

wizytówka

IT

zasoby ludzkie

dział prawny

rachunkowość

marketing

sprzedaż

kolega

pracodawca

pracownik

notatka

prezentacja

teczka

pieczętka

projektor

paczka
poczta

zaczek

koperta

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

przeglądarka

inwestycja

giełda papierów
wartościowych

banknot

moneta

odsetki

pożyczka

numer konta

konto bankowe

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefon

telewizor

aparat fotograficzny

radio

wentylator

klimatyzacja

ekspres do kawy

toster

odkurzacz

suszarka

czajnik

zmywarka

kuchenka

piekarnik

mikrofalówka

lodówka

pralka

pilot
telewizja

słuchawka

mysz
komputer

klawiatura

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

twardy dysk

pamięć USB

skaner

drukarka

ekran
komputer

laptop

robot

głośnik

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt